

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 16- 4 - 2018
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng và ông Đặng Văn Đê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Th – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09-4-2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Bá T , sinh năm 1979;

Thường trú: Tổ x, khu phố y, phường PT, thành phố B , tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Địa chỉ: Đường số 23, ấp T , xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Anh có mặt)

Bị đơn: Chị Bùi Thị Phương Th, sinh năm 1980;

Thường trú và trú tại: Tổ x, khu phố y, phường PT, thành phố B , tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Chị Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] -*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn Trần Bá tại phiên tòa:*

Anh Trần Bá T và chị Bùi Thị Phương Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường PN ,thị xã (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số XX ngày 29-6-2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng với gia đình chị Th tại Tổ x, khu phố y, phường PT, thành phố B , tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có lối sống sinh hoạt quá khác biệt dẫn đến không thống nhất trong cách giáo dục con chung thường

xuyên tranh cãi xung đột. Cuộc sống chung ngày càng ngột ngạt anh không còn tình cảm với chị Th, anh T thuê nhà trọ để ở sống ly thân chị Th từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh T chị Th có 01 con chung là cháu Trần N P Đ, sinh ngày 25-5-2008. Từ ngày ly thân với chị Th thì con sống chung với mẹ, hàng tháng anh vẫn góp từ 2.000.000đ cho chị Th nuôi con. Theo nguyện vọng của con, anh T đồng ý giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo yêu cầu của chị Th. Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng tính từ tháng 5-2018 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: anh T xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]- Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa, bị đơn chị Bùi Thị Phương Th trình bày:

Về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống, con chung của vợ chồng thì chị Th đồng ý với lời trình bày của anh T. Chị Th xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì thường xuyên bất hòa do khác nhau về quan điểm sống nên hay tranh cãi xúc phạm nhau. Tuy nhiên, chị Th còn yêu thương chồng và mong muốn con cái có một gia đình trọn vẹn, chị muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn thì chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Th yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Th xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: cho anh T được ly hôn với chị Th; theo nguyện vọng của con chung và sự thỏa thuận của cả anh T chị Th

cần công nhận giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ /tháng. Về án phí: anh T nộp án phí theo quy định pháp luật về án phí HNGĐ và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] -Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, theo đơn của anh Trần Bá T khởi kiện có nội dung tranh chấp về việc ly hôn và nuôi con, chị Bùi Thị Phương Th cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử vắng mặt chị Th theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] -Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Anh T chị Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qua thời gian chung sống giữa anh chị thực sự không hạnh phúc do vợ chồng không hợp tính tình, khác nhau về lối sống sinh hoạt, về cách giáo dục con chung. Xác minh tại tổ địa bàn dân cư thì không xác định được mâu thuẫn giữa anh T chị Th do anh chị bận làm ăn ít chia sẻ với hàng xóm. Lời khai của cả anh T chị Th đều thừa nhận từ năm 2015 vợ chồng hay xảy ra xung khắc cãi vã do bất đồng về lối sống sinh hoạt, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016. Chị Th cho rằng chị còn tình cảm với anh T và thương con nên không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị Th không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ việc không chung sống với nhau, anh chị làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, mâu thuẫn gia đình không được giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th được Tòa án triệu tập hợp lệ đến hòa giải cũng như dự phiên tòa nhưng chị Th không đến tham dự phiên tòa để trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét như vậy coi như chị Th từ bỏ ý kiến của mình. Do đó anh T yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị Phương Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Bá T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần N P Đ, sinh ngày 25-5-2008. Theo nguyện vọng của con, anh T chị Th thỏa thuận giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng tính từ tháng 5-2018 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh còn phải chịu thêm phần án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bá T đối với chị Bùi Thị Phương Th về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Bá T được ly hôn với chị Bùi Thị Phương Th .

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Phương Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần N PĐ, sinh ngày 25-5-2008 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng tính từ tháng 5-2018 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, anh Trần Bá T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Bá T và chị Bùi Thị Phương Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Tòa án: Anh Trần Bá T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, cộng chung là 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0009870 ngày 30 /10/ 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, anh T còn nộp thêm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/4/2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THA Dân sự TP Bà Rịa;
- UBND phường P N, TP. B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lý Thị Lệ Thủy

